

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

Số: 63/2011/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Lào Cai, ngày 30 tháng 12 năm 2011*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Quy định chính sách khuyến công**  
**trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09/6/2004 của Chính phủ về việc khuyến khích phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 về việc Trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 125/2009/TTLT-BTC-BCT ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương về việc Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với Chương trình khuyến công;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh Lào Cai Khóa XIV - Kỳ họp thứ 3 về chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 54/2007/QĐ-UB ngày 09/8/2007 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Quy định về khuyến khích phát triển tiểu, thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**Nguyễn Văn Vịnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH  
Chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 63/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011  
của UBND tỉnh Lào Cai)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng**

1. Đối tượng, phạm vi áp dụng:

a) Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã; hộ kinh doanh cá thể theo Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

b) Các tổ chức dịch vụ khuyến công, gồm: Trung tâm khuyến công, cơ sở đào tạo nghiên cứu khoa học công nghệ, doanh nghiệp có hoạt động tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn.

c) Trung tâm phát triển cụm công nghiệp và doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

d) Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công.

2. Danh mục ngành nghề được hưởng kinh phí khuyến công:

a) Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và dược liệu;

b) Sản xuất sản phẩm, phụ tùng, lắp ráp và sửa chữa máy cơ khí nông nghiệp;

c) Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và dịch vụ cho các cơ sở sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh;

d) Dệt, may, thêu thô cảm và các mặt hàng thủ công mỹ nghệ;

đ) Sản xuất sản phẩm mới, vật liệu mới, hàng thay thế hàng nhập khẩu, hàng xuất khẩu sử dụng chủ yếu nguyên liệu trong nước;

e) Đầu tư vốn xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp và làng nghề.

## Chương II

### QUY ĐỊNH CỤ THỂ<sup>2</sup>

#### **Điều 2. Kinh phí khuyến công**

1. Nguồn vốn khuyến công bao gồm:

a) Ngân sách địa phương: Từ các nguồn sau:

- Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung;
- Nguồn thu tiền sử dụng đất;
- Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế;
- Nguồn vốn sự nghiệp khoa học.

b) Ngân sách Trung ương: Nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương và nguồn vốn khuyến công quốc gia hỗ trợ hoạt động khuyến công địa phương theo chương trình, kế hoạch và đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí khuyến công hàng năm do ngân sách cấp theo kế hoạch nếu chưa sử dụng hết sẽ được chuyển sử dụng trong năm tiếp theo.

#### **Điều 3. Nhiệm vụ chi và mức chi**

1. Nhiệm vụ chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 125/2009/TTLT-BTC-BCT ngày 17/6/2009 giữa Bộ Tài chính và Bộ Công Thương, quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với chương trình khuyến công, cụ thể như sau:

a) Kinh phí khuyến công địa phương đảm bảo chi cho các hoạt động khuyến công theo các nội dung Chương trình khuyến công địa phương đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 2954/QĐ-UBND ngày 09/10/2008 về việc ban hành Chương trình khuyến công tỉnh Lào Cai giai đoạn 2008 - 2012 và giai đoạn tiếp theo, gồm:

- Chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề;
- Chương trình nâng cao năng lực quản lý của các cơ sở công nghiệp;
- Chương trình hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật;
- Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn;
- Chương trình phát triển hoạt động tư vấn, cung cấp thông tin;
- Chương trình hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế và phát triển các cụm, điểm công nghiệp nông thôn;

- Chương trình nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công.

b) Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến công địa phương gồm:

- Chi biên soạn giáo trình, tài liệu để hướng dẫn, đào tạo, tư vấn về khuyến công.

- Chi công tác xây dựng chương trình, kế hoạch, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu hoạt động khuyến công.

- Chi mua sắm phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác khuyến công.

- Chi vốn đối ứng cho các đề án, dự án hợp tác quốc tế về hoạt động khuyến công.

- Chi khen thưởng theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

## 2. Mức chi:

Các nội dung chi từ nguồn vốn khuyến công địa phương áp dụng mức chi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 125/2009/TTLT-BTC-BCT ngày 17/6/2009 giữa Bộ Tài chính và Bộ Công Thương, quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với chương trình khuyến công. Bổ sung thêm một số nội dung và mức chi sau:

a) Hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng sản xuất kinh doanh theo tiêu chuẩn ISO; hệ thống quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn GMP và HACCP, mức hỗ trợ 50% chi phí thực hiện và không vượt quá 50 triệu đồng/cơ sở.

b) Hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất công nghiệp di chuyển vào trong các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch (bao gồm: Kinh phí tháo lắp thiết bị, vận chuyển). Mức hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không vượt quá 20 triệu đồng/cơ sở.

## Điều 4. Các ưu đãi khác

1. Được ưu tiên giao đất, thuê đất trong các khu, cụm công nghiệp để đầu tư phát triển công nghiệp và được hưởng mức ưu đãi cao nhất theo quy định hiện hành.

2. Được hỗ trợ kinh phí để nghiên cứu, ứng dụng các đề tài khoa học, áp dụng công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới từ nguồn vốn sự nghiệp khoa học theo quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh Lào Cai về khuyến khích phát triển khoa học - công nghệ của tỉnh.

## Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

## Điều 5. Quản lý về hoạt động khuyến công

1. Các dự án đầu tư mới hoặc mở rộng quy mô cơ sở sản xuất công nghiệp có liên quan đến xây dựng cơ bản được hưởng ưu đãi, hỗ trợ từ nguồn khuyến công

đều phải thực hiện theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Các cơ sở sản xuất công nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất hoặc đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm để được hưởng hỗ trợ phải xây dựng phương án mở rộng ngành nghề sản xuất hoặc đổi mới công nghệ, thiết bị; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

3. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết định phê duyệt các hình thức và mức hỗ trợ cho các dự án, phương án được hưởng hỗ trợ từ nguồn vốn khuyến công (theo kế hoạch sử dụng nguồn vốn khuyến công hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt). Các trường hợp khác do UBND tỉnh quyết định.

4. Giao Sở Công Thương:

a) Hàng năm lập kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện công tác khuyến công của tỉnh gửi Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) Phối hợp với các ngành hướng dẫn các huyện, thành phố lập kế hoạch và triển khai các hoạt động khuyến công.

c) Quản lý, kiểm tra, theo dõi và định kỳ báo cáo việc thực hiện công tác khuyến công.

d) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các ngành có liên quan hướng dẫn trình tự, thủ tục hưởng hỗ trợ từ nguồn vốn khuyến công địa phương, tổ chức quản lý sử dụng tốt nguồn vốn khuyến công theo các nội dung của chính sách này.

5. UBND các huyện, thành phố có nhiệm vụ phối hợp với Sở Công Thương triển khai tốt các hoạt động khuyến công trên địa bàn, bao gồm:

a) Xây dựng và đăng ký kế hoạch sử dụng kinh phí khuyến công (trên địa bàn địa phương mình) hàng năm.

b) Quyết định phê duyệt các hình thức và mức hỗ trợ cho các dự án, phương án đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp thực hiện trên địa bàn địa phương mình.

6. Sở Tài chính:

a) Thẩm định kế hoạch nguồn vốn khuyến công hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt. Thẩm định chi phí phục vụ các hoạt động khuyến công chung của tỉnh theo các quy định hiện hành và kế hoạch được duyệt.

b) Phối hợp với Sở Công Thương quản lý nguồn vốn khuyến công của tỉnh.

7. Các ngành, các cơ quan, đoàn thể theo chức năng nhiệm vụ tăng cường hoạt động phối hợp nhằm tạo điều kiện hỗ trợ và thúc đẩy sản xuất công nghiệp phát triển.

## Chương IV

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### **Điều 6. Trách nhiệm thi hành**

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách này được xét khen thưởng theo quy định. Các tổ chức, cá nhân vi phạm tùy tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.
2. Trong quá trình triển khai thực hiện chính sách này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung về UBND tỉnh (qua Sở Công Thương) để kịp thời xem xét giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**Nguyễn Văn Vịnh**